

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 4 – 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, phân chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Trinh

Ông Nguyễn Tiến Thị

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST – HNGĐ ngày 21 – 12 – 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và phân chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị G

Sinh ngày: 08 – 10 – 1985

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Th

Sinh ngày: 06 – 5 – 1979

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và

phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 , phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

(Giấy ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong các bản khai, tại Biên bản thống nhất số lượng và giá trị tài sản chung của vợ chồng, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị G, bị đơn là anh Hoàng Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thống nhất trình bày:

Chị G và anh Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 10 – 9 – 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì anh Th bắt đầu thường uống rượu rồi chửi bới, đánh đập chị G, đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì chị G bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống ly thân với anh Th. Theo chị G nguyên nhân do anh Th ghen tuông vô cớ, còn theo anh Th nguyên nhân do chị G thường bỏ nhà đi, thiếu quan tâm chăm sóc chồng con.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 2 con chung gồm cháu Hoàng Lê Hoài N, sinh ngày 23 – 4 – 2009 và cháu Hoàng Lê Văn S, sinh ngày 03 – 12 – 2012. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng anh Th từ ngày bố mẹ ly thân. Theo trình bày của chị G thì chị làm nghề lao động tự do thu nhập khoảng hơn 2.000.000đ/tháng. Theo trình bày của anh Th thì anh cũng làm nghề lao động tự do, thu nhập khoảng 2.000.000đ/tháng.

Vợ chồng có khối tài sản chung gồm:

- 01 nhà gỗ một gian, diện tích 115m² và 01 nhà bếp xây lợp ngói, diện tích 30m². Tổng giá trị nhà gỗ và nhà bếp là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

- 01 thửa đất tại thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 517,7m² (gồm 300m² đất ở và 217,7m² đất trồng cây lâu năm), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00060 do UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 mang tên Hoàng Văn Th và Lê Thị G hiện nay đang gửi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Tĩnh quản lý. Giá trị thửa đất là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 bàn, ba ghế) có giá trị 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

- 02 đường gỗ có giá trị 1.000.000đ/đường x 2 đường = 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- 2 con bò mẹ và 4 con bê có tổng giá trị là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Toàn bộ tài sản chung của vợ chồng do anh Th quản lý, sử dụng từ khi vợ chồng ly thân. Anh Th thừa nhận trước khi xét xử (ngày 18 – 4 – 2018) anh đã bán 2 con bò mẹ và 4 con bê lấy tiền mặt, lời trình bày này của anh Th chị G không phản đối.

Đến thời điểm xét xử vụ án (ngày 18 – 4 – 2018), vợ chồng còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thông qua Chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Tĩnh 50.000.000đ tiền gốc và 0đ tiền lãi theo hợp đồng tín dụng ký ngày 16 – 01 – 2017, lãi suất điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, đến hạn trả nợ từ 16 – 01 – 2018 nhưng được gia hạn trả nợ đến ngày 16 – 01 – 2019.

Trong đơn khởi kiện ngày 15 – 8 – 2017, được thay đổi, bổ sung tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, chị Lê Thị G yêu cầu được ly hôn vì lý do chị không còn tình cảm gì với anh Th, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài; yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Lê Văn S, giao cháu Hoàng Lê Hoài N cho anh Hoàng Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, vì hiện nay cháu Hoàng Lê Hoài N có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn; yêu cầu giao cho anh Th được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng vì hiện nay toàn bộ tài sản đó do anh Th quản lý, chị khó lấy lại được, nhưng giao cho anh Th phải trả khoản nợ Ngân hàng và đưa lại cho chị G 26.500.000đ tiền chênh lệch tài sản.

Để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình chị G đã giao nộp: Trích lục kết hôn của vợ chồng, bản sao sổ hộ khẩu của gia đình chị G – anh Th, bản sao giấy khai sinh của các cháu Hoàng Lê Văn S và Hoàng Lê Hoài N, giấy xác nhận của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc vợ chồng vay nợ Ngân hàng. Chị G còn yêu cầu Tòa án thu thập bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00060 do UBND huyện K cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 mang tên Hoàng Văn Th và Lê Thị G đang được gửi tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để vay nợ.

Anh Hoàng Văn Th không đồng ý ly hôn vì theo anh mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng có thể hàn gắn được, nhưng trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu đơn phương ly hôn của chị G thì

anh Th yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con và không yêu cầu chị G phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; đồng ý nhận sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng nhưng không đồng ý đưa lại cho chị G 26.500.000đ tiền chênh lệch tài sản. Lý do anh không đồng ý giao con cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đồng ý đưa lại tiền chênh lệch tài sản cho chị G là vì chị G đã bỏ nhà ra đi, không có trách nhiệm với gia đình, chồng con.

Để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình anh Th đã giao nộp: Biên bản thống nhất số lượng và giá trị tài sản chung của vợ chồng do hai vợ chồng lập và ký.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn yêu cầu Tòa án buộc chị G và anh Th phải trả hết nợ cho Ngân hàng trước khi Tòa án quyết định cho vợ chồng ly hôn và phân chia tài sản của vợ chồng để đảm bảo sự an toàn cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

Để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn đã giao nộp: bản sao hồ sơ vay nợ của chị G và anh Th tại Ngân hàng gồm giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, sổ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00060 do UBND huyện K cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 mang tên Hoàng Văn Th và Lê Thị G, các tờ rời theo dõi việc giải ngân cho vay và trả nợ, bảng chấm điểm khách hàng.

Nội dung các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp đều phản ánh các tình tiết của vụ án đúng như các đương sự thống nhất trình bày. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00060 do UBND huyện K cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 mang tên Hoàng Văn Th và Lê Thị G phản ánh anh Th và chị G được quyền sử dụng thửa đất số 21, tờ bản đồ số 64, tại thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 517,7m² (gồm 300m² đất ở và 217,7m² đất trồng cây lâu năm); kích thước, ranh giới: phía Tây – Bắc là đường gấp khúc gồm 2 đoạn tổng chiều dài là 18,67m (trong đó đoạn thứ nhất dài 5,83m, đoạn thứ hai dài 12,84m) giáp đường giao thông, phía Đông – Bắc là đường gấp khúc gồm 3 đoạn tổng chiều dài là 22,38m (trong đó đoạn thứ nhất dài 8,7m, đoạn thứ hai dài 8,06m, đoạn thứ ba dài 5,62m) giáp thửa đất số 27, phía Đông – Nam là đường gấp khúc gồm 2 đoạn tổng chiều dài là 18,61m (trong đó đoạn thứ nhất dài 15,66m, đoạn thứ hai dài 2,95m) giáp thửa đất số 27, phía Tây – Nam là đường gấp khúc gồm 3 đoạn tổng chiều dài là 30,94m (trong đó đoạn thứ nhất dài 18,57m, đoạn thứ hai dài 3,14m, đoạn thứ ba dài 9,23m) giáp thửa đất số 26.

Ngoài ra Tòa án thu thập đơn trình bày nguyện vọng của cháu Hoàng Lê Hoài N và cháu cho biết có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nêu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật đang tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hoà giải, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về trình tự, thủ tục, nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các nội dung khác đảm bảo đúng quy định của các Điều 239 đến 243, 247, 249 đến 254, 260 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng:

- Điều 147, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 6 Điều 26, các Điểm a, b, e Khoản 5, Điểm a Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Án lệ số 08/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16 – 5 – 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17 – 10 – 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị G về việc ly hôn đối với anh Hoàng Văn Th;

- Giao cháu Hoàng Lê Hoài N cho anh Hoàng Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Lê Văn S cho chị Lê Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Hoàng Văn Th và chị Lê Thị G có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Anh Hoàng Văn Th và chị Lê Thị G không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Giao cho anh Hoàng Văn Th được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng (hiện nay đang do anh Hoàng Văn Th quản lý, sử dụng), có tổng giá trị là 303.000.000đ.

- Giao cho anh Hoàng Văn Th phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn khoản nợ 50.000.000đ (tiền gốc) của hợp đồng tín dụng ký kết ngày 16 – 01 – 2017 và tiền lãi phát sinh thêm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18 – 4 – 2018) theo lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

- Buộc anh Hoàng Văn Th phải đưa lại cho chị Lê Thị G 26.500.000đ tiền chênh lệch tài sản. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê Thị G cho đến khi thi hành án xong khoản tiền này, hàng tháng anh Hoàng Văn Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% năm.

- Buộc chị Lê Thị G, anh Hoàng Văn Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Từ năm 2010 (sau khi kết hôn chỉ được khoảng 2 năm), đời sống vợ chồng đã xảy ra bất hòa, anh Th thỉnh thoảng uống rượu rồi đánh chửi, xúc phạm chị G, làm cho tình cảm của chị G đối với anh Th ngày càng phai nhạt, đến tháng 5 năm 2017 thì chị G đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh Th, đến nay chị G hết tình cảm với anh Th, mặc dù anh Th nhiều lần thuyết phục nhưng chị G kiên quyết không trở về. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn phương ly hôn của chị G.

[2]. Về con: Mặc dù anh Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con, nhưng xét thấy một mình anh Th khó có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con cùng một lúc một cách chu đáo, nhất là trong điều kiện thu nhập của anh Th còn quá thấp, việc giao cả 2 con cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ ảnh hưởng không tốt đến sinh hoạt, học tập, phát triển của các con. Hiện nay, cháu Hoàng Lê Hoài N có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Hoàng Lê Hoài N cho anh Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Lê Văn S cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Th và chị G có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Anh Th và chị G không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản và nợ: Sự thống nhất ý kiến của chị G và anh Th về việc giao cho anh Th được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng (có tổng giá trị là 303.000.000đ) nhưng anh Th phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn khoản nợ theo hợp đồng tín dụng ký ngày 16 – 01 – 2017 (gồm 50.000.000đ tiền gốc và 0đ tiền lãi) là tự nguyện, phù hợp với các Điều 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi khấu trừ số tiền nợ phải trả thì phần giá trị tài sản còn lại mà anh Th được hưởng là $303.000.000đ - 50.000.000đ = 253.000.000đ$. Cho nên chị G yêu cầu anh Th phải đưa lại cho chị G 26.500.000đ tiền chênh lệch tài sản là có lợi cho anh Th, vì số tiền chênh lệch chị G yêu cầu chưa bằng một nửa giá trị tài sản mà anh Th được hưởng. Yêu cầu này của chị G là tự nguyện và phù hợp với Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn yêu cầu buộc vợ chồng phải trả nợ cho Ngân hàng xong trước khi Tòa án quyết định cho vợ chồng ly hôn và phân chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, khoản nợ này đã được Ngân hàng gia hạn đến ngày 16 – 01 – 2019, nên không thể buộc vợ chồng trả hết nợ trước thời hạn nêu trên. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng đối với Ngân hàng được tiếp tục duy trì hiệu lực sau khi vợ chồng ly hôn, cho nên Tòa án sẽ giao nghĩa vụ trả nợ cho bên được giao nhiều tài sản nhằm đảm bảo khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng.

Từ sự phân tích nêu trên, căn cứ vào các Điều 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cho anh Th được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, có tổng giá trị là 303.000.000đ. Nhưng giao cho anh Th phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn khoản nợ 50.000.000đ (tiền gốc) theo hợp đồng tín dụng ký kết ngày 16 – 01 – 2017 và tiền lãi phát sinh thêm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18 – 4 – 2018). Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký và Án lệ số 08/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16 – 5 – 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17 – 10 – 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi suất kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 – 4 – 2018) của hợp đồng tín dụng mà anh Th được giao trả nợ sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc anh Th phải đưa lại cho chị G 26.500.000đ tiền chênh lệch tài sản. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê Thị G cho đến khi thi hành án xong khoản tiền này, hàng tháng anh Hoàng Văn Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4]. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 6 Điều 26, các Điểm a, b, e Khoản 5, Điểm a Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo thì:

- Chị G là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh Th được giao sở hữu, sử dụng số tài sản có giá trị là 303.000.000đ nhưng phải trả nợ 50.000.000đ và phải đưa lại cho chị G 26.500.000đ tiền chênh lệch tài sản cho nên phải chịu số tiền án phí chia tài sản là $(303.000.000đ - 50.000.000đ - 26.500.000đ) \times 5\% = 11.325.000đ$.

- Chị G được đưa lại 26.500.000đ tiền chênh lệch tài sản cho nên phải chịu số tiền án phí chia tài sản là $26.500.000đ \times 5\% = 1.325.000đ$.

- Anh Th phải trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn 50.000.000đ nên phải chịu số tiền án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ là $(50.000.000đ \times 5\%) = 2.500.000đ$.

Chị G được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005170 ngày 21 – 12 – 2017.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị G, anh Th, người đại diện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 6 Điều 26, các Điểm a, b, e Khoản 5, Điểm a Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Án lệ số 08/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn

từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16 – 5 – 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17 – 10 – 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị G về việc ly hôn đôi với anh Hoàng Văn Th;

- Giao cháu Hoàng Lê Hoài N cho anh Hoàng Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Lê Văn S cho chị Lê Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Hoàng Văn Th và chị Lê Thị G có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Anh Hoàng Văn Th và chị Lê Thị G không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Giao cho anh Hoàng Văn Th được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng (hiện nay đang do anh Hoàng Văn Th quản lý, sử dụng), có tổng giá trị là 303.000.000đ bao gồm:

+ 01 nhà gỗ một gian, diện tích 115m² và 01 nhà bếp xây lợp ngói, diện tích 30m². Tổng giá trị nhà gỗ và nhà bếp là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng);

+ Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 64, tại thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 517,7m² (gồm 300m² đất ở và 217,7m² đất trồng cây lâu năm); kích thước, ranh giới: phía Tây – Bắc là đường gấp khúc gồm 2 đoạn tổng chiều dài là 18,67m (trong đó đoạn thứ nhất dài 5,83m, đoạn thứ hai dài 12,84m) giáp đường giao thông, phía Đông – Bắc là đường gấp khúc gồm 3 đoạn tổng chiều dài là 22,38m (trong đó đoạn thứ nhất dài 8,7m, đoạn thứ hai dài 8,06m, đoạn thứ ba dài 5,62m) giáp thửa đất số 27, phía Đông – Nam là đường gấp khúc gồm 2 đoạn tổng chiều dài là 18,61m (trong đó đoạn thứ nhất dài 15,66m, đoạn thứ hai dài 2,95m) giáp thửa đất số 27, phía Tây – Nam là đường gấp khúc gồm 3 đoạn tổng chiều dài là 30,94m (trong đó đoạn thứ nhất dài 18,57m, đoạn thứ hai dài 3,14m, đoạn thứ ba dài 9,23m) giáp thửa đất số 26; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00060 do UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 mang tên Hoàng Văn Th và Lê Thị G (hiện nay đang gửi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Tĩnh quản lý). Sơ đồ thửa đất kèm theo bản án. Giá trị thửa đất là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

+ 01 bộ bàn ghế gỗ (gồm 01 bàn , ba ghế), có giá trị 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

+ 02 đường gỗ có giá trị 1.000.000đ/đường x 2 đường = 2.000.000đ (hai triệu đồng);

+ Số tiền mặt 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) có được do anh Hoàng Văn Th bán 2 con bò mẹ và 4 con bê.

- Giao cho anh Hoàng Văn Th phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn khoản nợ 50.000.000đ (tiền gốc) của hợp đồng tín dụng ký kết ngày 16 – 01 – 2017 và tiền lãi phát sinh thêm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18 – 4 – 2018) theo lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

- Buộc anh Hoàng Văn Th phải đưa lại cho chị Lê Thị G 26.500.000đ tiền chênh lệch tài sản. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê Thị G cho đến khi thi hành án xong khoản tiền này, hàng tháng anh Hoàng Văn Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% năm.

- Về án phí:

Buộc chị Lê Thị G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 1.325.000đ án phí chia tài sản. Tổng cộng chị Lê Thị G phải chịu 1.625.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005170 ngày 21 – 12 – 2017, còn 1.325.000đ (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm chị Lê Thị G phải nộp tiếp.

Buộc anh Hoàng Văn Th phải chịu 11.325.000đ án phí chia tài sản, 2.500.000đ án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng anh Hoàng Văn Th phải chịu 13.825.000đ (mười ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị G, anh Hoàng Văn Th, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn: Chị G;
- Bị đơn: Anh Th;
- Người có QL, NV liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKS huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Thượng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

Hoàng Ngọc Tùng